

Nghiên cứu tâm lý và thái độ học tập môn Giáo dục Thể chất của sinh viên Học viện Ngân hàng

Phạm Thị Tuyết Mai*

*ThS. Bộ môn Giáo dục Thể chất, Học viện Ngân Hàng

Received: 6/12/2023; Accepted: 13/12/2023; Published: 20/12/2023

Abstracts: This study aims to create a basis for the annual implementation of integrated psychology teaching in physical education classes to improve the health and learning outcomes of Banking students. To achieve this goal, this study determined the impact of student participation in physical activities on perceived enjoyment and attitudes toward learning. To test the model, 282 questionnaires were collected from student groups. Samples were obtained using convenience sampling method, correlation analysis and structural equation modeling were performed using SPSS 21.0. Results obtained: 1) Students participating in physical activities have a statistically significant impact on perceived enjoyment; 2) Perceived enjoyment does not have a statistically significant impact on learning attitudes; 3) Participation has been shown to have a significant impact on learning attitudes.

Keywords: Physical education; awareness; joining; learning attitude.

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội Việt Nam, giáo dục thể chất (GDTC) chưa thu hút được nhiều sự quan tâm trong quan điểm giáo dục xã hội. Các áp lực về nhu cầu học để phát triển bản thân do xu hướng giáo dục và xã hội hướng về hiện đại của xã hội Việt Nam hiện tại ngày càng tăng mạnh tạo ra các nguy cơ đến sức khỏe, tinh thần của sinh viên (SV). Vấn đề nổi bật dẫn đến vị thế của GDTC thấp có thể xác định nguyên nhân chính là xã hội rất ít quan tâm, các thông tin và bàn luận về GDTC chỉ mang tính thời sự hoặc trong các nhóm chuyên môn. Thêm vào đó, các nghiên cứu về hiệu quả học tập môn GDTC thường kém tin cậy do nhiều yếu tố. Mỗi quan tâm học thuật thiếu tích cực này có thể dẫn đến việc hiện xây dựng và thực hóa các chính sách liên quan đến GDTC ở các cấp độ quản lý quốc gia, bộ, ngành, quản lý trường học giám sát.

Vì vậy, mục đích của nghiên cứu là xác định các khả năng xem xét GDTC trường học như một biện pháp quan trọng để khuyến khích việc tham gia rèn luyện thể chất của SV tại Học viện Ngân Hàng (mẫu). Để giải quyết vấn đề, phương pháp chủ yếu được xác định là đánh giá mối quan hệ nhân quả giữa việc tham gia, mức độ hứng thú và thái độ học tập GDTC và tự rèn luyện của nhóm đối tượng nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

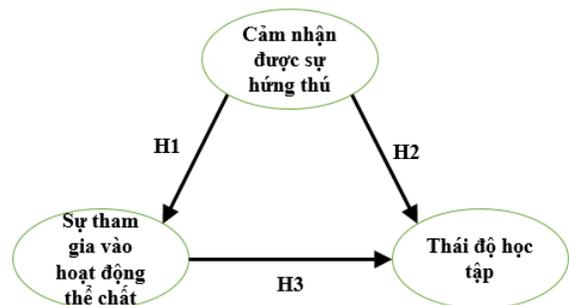
2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu

thường quy và tin cậy như phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát, phỏng vấn chuyên gia, kiểm tra sự phạm và toán học thống kê.

Giả thuyết nghiên cứu: Giả thuyết của nghiên cứu này được thiết lập dựa trên mối quan hệ giữa sự tham gia và sự thích thú nhận thức, sự thích thú nhận thức và thái độ học tập cũng như thái độ tham gia và học tập (hình 2.1).

Các giả thuyết tương ứng với từng con đường trong mô hình khái niệm như sau. Giả thuyết 1 (H1): Việc tham gia học tập GDTC có tác động đáng kể đến cảm giác hứng thú; Giả thuyết 2 (H2): Việc tham gia học tập GDTC có tác động đáng kể đến thái độ học tập; Giả thuyết 3 (H3): Cảm giác hứng thú có tác động đáng kể đến thái độ học tập.



Hình 2.1. Mô hình khái niệm

Đối tượng nghiên cứu: 282 SV Học viện Ngân hàng. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu như sau: Nam SV=121 chiếm 42.9%, nữ SV=161 chiếm 57.1%; SV năm 1=126 chiếm 44.7%, năm

2=94 chiếm 33.3%, năm 3=62 chiếm 22%.

Phương tiện kiểm tra: Các chỉ số xã hội và nhân khẩu học; Thang đo mức độ hứng thú tự cảm nhận gồm 4 mục: Rất thú vị (3 câu), thú vị (3 câu), hài lòng (3 câu) và có tính giải trí (3 câu). Thang đo thái độ Học tập được đo lường bằng cách sử dụng các câu hỏi được thông qua và sửa đổi từ các nghiên cứu trước đây.

Phân tích dữ liệu: Được thực hiện bằng chương trình thống kê phiên bản SPSS 22.0. Phân tích tương quan được thực hiện cho tất cả các biến nhằm xác định các mối quan hệ. Mô hình hóa phương trình cấu trúc được xác định nhằm chứng minh các giả thiết nghiên cứu. Xác suất có ý nghĩa thống kê được đặt ở mức 0.05.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Phân tích tương quan giữa các biến

Bảng 2.1. Phân tích tương quan giữa các biến

Biến	Thú vị	Thích thú	Hài lòng	Giải trí	Thích thú	Tự chủ	Hữu ích	Tự tin
Thú vị	1							
Thích thú	0.627**	1						
Hài lòng	0.594**	0.630**	1					
Giải trí	0.661**	0.641**	0.653**	1				
Thích thú	0.313**	0.282**	0.312**	0.302**	1			
Tự chủ	0.056*	0.081*	0.072*	0.115*	0.039*	1		
Hữu ích	0.245**	0.274**	0.285**	0.253**	0.521**	0.018*	1	
Tự tin	0.255**	0.258**	0.261**	0.274**	0.576**	0.045*	0.591**	1

Ghi chú: * - p<0.05; ** - p<0.01.

Kết quả bảng 2.1 cho thấy: Mối tương quan giữa từng yếu tố xác định sự thỏa mãn về giá trị phân biệt giữa từng yếu tố đối với các yếu tố có tính đơn chiều. Hơn nữa, mối tương quan giữa các biến liên quan là =0.018-0.661 và có mối tương quan đáng kể một phần giữa các biến. Tất cả các biến ≤0.80-tiêu chí cho hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập, điều này cho thấy rằng không có vấn đề gì với hiện tượng đa cộng tuyến.

2.2.2. Mức độ phù hợp của mô hình hiệu ứng tổng thể

Bảng 2.2. Mức độ phù hợp của mô hình hiệu ứng tổng thể

Biến	χ^2	df	CMN/df	TLI	GFI	CFI	RMSEA
Chỉ số phù hợp	149.468	41	3.646	0.934	0.930	0.976	0.030
Mức độ chiếm đoạt	$(\chi^2/df)<5$			>0.90	>0.90	>0.90	<0.08

Kết quả bảng 2.2 cho thấy: Mức độ phù hợp của các tiêu chí cho mô hình nghiên cứu là đầy đủ khi TLI, GFI và CFI≥0.90 và RMSEA≤0.08. Kết quả xác minh tính đầy đủ của nghiên cứu này cho thấy TLI=0.934, GFI=0.930, CFI=0.976, RMSEA=0.03, thỏa mãn giá trị chỉ số phù hợp. Do đó, mô hình khái niệm của nghiên cứu này được cho là phù hợp.

2.2.3. Mối quan hệ ngẫu nhiên giữa học tập GDTC, hứng thú và thái độ học tập của SV Học viện Ngân hàng

Bảng 2.3. Hệ số đường dẫn của mô hình trung gian

Mô hình	S.E.	C.R.	Tổng hiệu ứng	Hiệu ứng trực tiếp	Hiệu ứng gián tiếp	Hiệu ứng tổng	Tổng
H1	0.993*	0.163*	6.092**	0.958*	0.958*	-	Thỏa mãn
H2	0.043*	0.026*	1.680	0.041*	0.041*	-	Loại bỏ
H3	0.802*	0.129*	6.217**	0.825*	0.786*	0.039*	Thỏa mãn

Ghi chú: * - p<0.05; ** - p<0.01.

Kết quả bảng 2.3 cho thấy: 1) Việc học tập GDTC có tác động đáng kể về mặt thống kê đến hứng thú (r=0.993, t=6.092, p<0.001), như vậy SV càng tham gia nhiều hoạt động thể chất thì hứng thú càng cao; 2) Hứng thú với học tập GDTC không có tác động có ý nghĩa thống kê đến thái độ học tập (r=0.043, t=1.608, p>0.05), như vậy có thể khẳng định hứng thú với học tập GDTC càng cao thì thái độ học tập càng kém; 3) Học tập GDTC có tác động có ý nghĩa thống kê đến thái độ học tập. Nói cách khác, việc học tập GDTC được cho là làm tăng nhận thức về thái độ học tập.

Tóm lại, việc học tập GDTC, nhận thức về sự thích thú và thái độ học tập đều có mối quan hệ nhân quả. Bảng 2.3 cho thấy tác động trực tiếp, gián tiếp và tổng thể của từng biến tiềm ẩn. Trong số các biến này, tác động của việc học tập GDTC đến thái độ học tập không chỉ trực tiếp (β=0.039) mà còn gián tiếp (β=0.825). Tuy nhiên, hứng thú không có tác động đáng kể đến thái độ học tập và kết quả thống kê đã xác nhận rằng việc học tập GDTC là một biến

số quan trọng ($\beta=0.786$), cho thấy hiệu ứng tổng là $\beta=0.825$. Tuy nhiên, cảm giác hứng thú không có tác động đáng kể đến thái độ học tập và kết quả thống kê khẳng định việc học tập GDTC là một biến số quan trọng.

2.2.4. Thảo luận

Nghiên cứu này xoay quanh giả thuyết về các tác dụng của việc học tập GDTC, dựa vào kết quả thu được, nghiên cứu có luận điểm sau: 1) Tác động của việc học tập GDTC đối với tính hứng thú được nhận thấy là rất đáng kể. Như vậy, có thể đánh giá rằng việc học tập GDTC càng tích cực thì hứng thú của các SV càng cao. Tính hứng thú trong các loại hoạt động khác cũng cần được nhìn nhận vì nó là những yếu tố quan trọng quyết định mức độ SV tham gia; 2) Các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng việc thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất, bao gồm cả các lớp GDTC, có tác động tích cực đến việc học tập hòa nhập. Các yếu tố vui vẻ của các giờ học GDTC cũng ảnh hưởng đến thái độ và sự hài lòng của SV. Dựa trên những kết quả này, việc áp dụng các yếu tố tạo hứng thú khác nhau trong các lớp GDTC có thể làm tăng sự tham gia của SV và dẫn đến sự tham gia tích cực trong lớp học. Vì vậy, điều cần thiết là phải lập kế hoạch cho các phương pháp và lớp học tạo động lực cho SV để khuyến khích họ tham gia nhiều hơn, chủ động hơn; 3) Tác động của việc học tập GDTC của SV đến thái độ học tập của các em được cho là có tác động đáng kể. Như vậy, nhận thức về thái độ học tập đã được khẳng định là tăng lên tùy theo mức độ, tính chất tham gia. Nhiều nghiên cứu khác nhau đã chỉ ra rằng việc SV tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất có mối quan hệ tích cực với kết quả học tập.

Nếu không có hứng thú hoặc hứng thú với hoạt động thể chất và học tập GDTC thì điều đó không thể liên quan đến thái độ học tập tích cực. Điều này là do hoạt động thể chất có mối quan hệ tích cực với sự tập trung và trí nhớ, đồng thời góp phần tăng tốc độ của quá trình nhận thức. Ngoài ra, những SV tích cực tham gia vào các hoạt động thể chất phù hợp đã cho thấy sự cải thiện nhận thức toàn diện trong việc đo lường từ vựng, trí nhớ, logic và thời gian phản ứng. Do đó, các hoạt động thể chất thường xuyên được xác định có ảnh hưởng tích cực đến chức năng nhận thức bên cạnh việc cải thiện chức năng thể chất. Tuy nhiên, SV đều dành phần lớn thời gian ở trường học nên việc khuyến khích, tăng cường các hoạt động thể chất ở trường là rất hợp lý và cấp thiết.

3. Kết Luận

Nghiên cứu này nhằm xác định tác động của việc

SV Học viện Ngân hàng tham gia các hoạt động thể chất, học tập GDTC đến cảm nhận về tính hứng thú và thái độ học tập. Dựa trên kết quả phân tích, có thể rút ra các kết luận sau: Việc học tập GDTC có tác động đến nhận thức về hứng thú và thái độ học tập. Tuy nhiên, sự hứng thú nhận thức không ảnh hưởng đến thái độ học tập. Khi rút ra những kết quả này, nghiên cứu nhận thấy chương trình GDTC không gây hứng thú cho SV nhưng khiến các em tham gia đều đặn, đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thái độ học tập. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch cụ thể, thiết thực để khuyến khích SV tích cực hơn trong việc học tập GDTC là điều cấp thiết. Xem xét bầu không khí xã hội theo định hướng giáo dục một chiều của phụ huynh hiện nay, việc tham gia các chương trình hoạt động thể chất, học tập GDTC đều sẽ có tác động tích cực đến thái độ học tập, cho thấy điều này có khả năng nó có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi nhận thức và trạng thái của môn GDTC trong ngành Giáo dục Việt Nam hiện nay cũng như môi trường, văn hoá hoạt động thể chất trường học các cấp.

Tài liệu tham khảo

- 1.Chen S, et al (2014). *Relationship between motivation and learning in physical education and after-school physical activity*. Res Q Exerc Sport. Dec;85(4):468-77. doi: 10.1080/02701367.2014.961054.
2. Cid L, et al (2019). *Motivational determinants of physical education grades and the intention to practice sport in the future*. PLoS One. May 23;14(5):e0217218. doi: 10.1371/journal.pone.0217218.
3. Kingdon J., *Agendas, Alternatives, Public Policies*; Little Brown Company: Boston, MA, USA, 1984; pp. 35-36.
4. Lim S.W., et al (2014). *The operation system and implications of "the 0 period physical education class": The case study about "blue" elementary school*. Phys. Educ. 2014, 53, 51-61.
5. Lucas A.J., Dymont J.E. (2009). *Where do children choose to play on the school ground? The influence of green design*. Int. J. Prim. Elem. Early Years Educ. 38, 177-189.
6. Sibley B.A., Etnier J.L. (2003). *The relationship between physical activity and cognition in children: A meta-analysis*. Pediatr. Exerc. Sci. 15, 243-256.
7. Sallis J.F., Prochaska J.J., Taylor W.C. (2000). *A review of correlates of physical activity of children and adolescents*. Med. Sci. Sports Exerc. 32, 963-975.